

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

Số: 23/2021/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

M, ngày 02 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các điều 211, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 22/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Trần Văn L**, sinh năm 1991;

HKTT: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Chị **Trần Kim N**, sinh năm 1992;

HKTT: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn L và chị Trần Kim N thành hôn và đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, chị N nhập khẩu về hộ anh L tại địa chỉ ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Trần Minh L, sinh ngày XYZ. Đến tháng 05/2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và về kinh tế. Anh L và chị N đã ly thân hơn 02 tháng nay, trong thời gian ly thân anh chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L và chị N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận này của anh L và chị N là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Hiện nay con chung đang sống chung với anh L và ông bà nội của cháu tại xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Sau khi ly hôn, các bên thỏa thuận anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh L không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận này của anh L và chị N là phù hợp với quy định tại Điều 55 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Anh L và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh L và chị N khai không có.

[5] Lệ phí Tòa án: Anh L và chị N thống nhất tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các thỏa thuận trên của anh L và chị N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn L và chị Trần Kim N thuận tình ly hôn.

Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Anh Trần Văn L và chị Trần Kim N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Minh L, sinh ngày XYZ. Sau khi ly hôn, anh Trần Văn L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn L tạm thời không yêu cầu chị Trần Kim N cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Trần Văn L và chị Trần Kim N tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Trần Văn L và chị Trần Kim N khai không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, anh Trần Văn L và chị Trần Kim N tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai số ABC ngày 13/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (đã nộp xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre; (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre - Số E/2014 (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ; VP (4b).

THẨM PHÁN

(Đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thị Thanh Như